

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định (EC) số 1907/2006

Phiên bản 8.0

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

03.06.2021

Ngày in 27.09.2022

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

## Phần 1: Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

## 1.1 Nhận dạng của sản phẩm

Tên sản phẩm	:	ECOSURF™ EH-9
Số sản phẩm	:	STS0006
Nhãn hiệu	:	Sigma-Aldrich
REACH số	:	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn
Số CAS	:	64366-70-7

## 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	:	Các hoá chất phòng thí nghiệm, Sản xuất hóa chất
--	---	--

## 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	:	Sigma-Aldrich Pte Ltd (Co. Registration No. 199403788W) 2 Science Park Drive #05-01/12 Ascent Building SINGAPORE 118222 SINGAPORE
Điện thoại	:	+65 6890 6633
Fax	:	+65 6890 6639
Địa chỉ e-mail	:	TechnicalService@merckgroup.com



## 1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số Điện thoại Khẩn cấp : 1-800-262-8200

---

## Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

**Phân loại theo Quy định (EC) No 1272/2008**

Kích ứng mắt (Cấp 2), H319

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### 2.2 Các yếu tố nhãn

**Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008**

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa

P305 + P351 + P338

**NEÚ TIẾP XÚC LÊN MÁT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

**Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)**

Chữ tượng hình



Lời cảnh báo

Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

không có gì

Các lưu ý phòng ngừa

không có gì

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

### 2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.



### Phần 3: Thành phần/thông tin về các phụ liệu

#### 3.1 Chất

Tên thông thường : Ethylene oxide-propylene oxide copolymer mono(2-ethylhexyl) ether  
2-Ethyl Hexanol EoPo Copolymer (9EO)  
Ethyl Hexanol Ethoxylated Propoxylated

Công thức :  $C_8H_{18}O.(C_3H_6O)_x.(C_2H_4O)_y$

Số CAS : 64366-70-7

Thành phần	Phân loại	Nồng độ
<b>2-Ethyl Hexanol EO-PO Nonionic Surfactant</b>		
Số CAS 64366-70-7	Eye Irrit. 2; H319	$\leq 100\%$

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

### Phần 4: Các biện pháp sơ cứu

#### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

##### Lời khuyên chung

Tham vấn bác sĩ. Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sĩ chăm sóc.

##### Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

Nếu hít phải, chuyển nạn nhân ra chỗ không khí trong lành. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo. Tham vấn bác sĩ.

##### Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

Rửa sạch bằng xà bông và thật nhiều nước. Tham vấn bác sĩ.

##### Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt

Rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất là 15 phút sau đó tham vấn bác sĩ.

##### Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Xúc miệng bằng nước. Tham vấn bác sĩ.

#### 4.2 Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất được mô tả trên nhãn (tham khảo Phần 2.2) và/hoặc Phần 11.



### **4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt** chưa có dữ liệu

---

## **Phần 5: Các biện pháp cứu hỏa**

### **5.1 Các phương tiện chữa cháy**

#### **Các phương tiện chữa cháy thích hợp**

Dùng bụi nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.

### **5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp**

Carbon ôxit

Oxit yttri

### **5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa**

Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

### **5.4 Thông tin khác**

chưa có dữ liệu

---

## **Phần 6: Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải**

### **6.1 Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố**

Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh hít phải hơi, hơi sương hoặc khí. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

### **6.2 Các cảnh báo về môi trường**

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

### **6.3 Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố**

Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ và tiêu huỷ như đối với chất thải nguy hại. Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu huỷ.

### **6.4 Xem các mục khác**

Để xử lý, xem phần 13.

---

## **Phần 7: Xử lý và lưu trữ**

### **7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

#### **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm**

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít hơi hoặc sương.



### **Các biện pháp vệ sinh**

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

## **7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào**

### **Điều kiện lưu trữ**

Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt. Lưu trữ ở nơi có nhiệt độ mát.

## **7.3 Sử dụng cụ thể**

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

---

## **Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân**

### **8.1 Các thông số kiểm soát**

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

### **8.2 Kiểm soát phơi nhiễm**

#### **Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân**

##### **Bảo vệ mắt/mặt**

Kính bảo hộ có tấm chắn bảo vệ hai bên tuân theo EN166 Sử dụng thiết bị bảo vệ mắt được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166(EU).

##### **Bảo vệ da**

Đeo găng tay khi xử lý. Găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng. Sử dụng kỹ thuật tháo găng tay đúng cách (không chạm vào bề mặt bên ngoài của găng tay) để tránh da tiếp xúc với sản phẩm này. Vứt bỏ găng tay nhiễm bẩn sau khi sử dụng theo luật pháp hiện hành và thực hành tốt trong phòng thí nghiệm. Rửa và lau khô tay.

Găng tay bảo hộ được chọn phải thỏa mãn các thông số kỹ thuật theo Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 được xây dựng từ quy định đó.

##### **Bảo vệ cơ thể**

Quần áo không thấm., Loại thiết bị bảo hộ phải được lựa chọn tương ứng với nồng độ và số lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc.



### Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp đánh giá rủi ro cho thấy mặt nạ làm sạch không khí là thích hợp, hãy sử dụng mặt nạ cả mặt có tổ hợp đa năng (Hoa Kỳ) hoặc mặt nạ dạng ống loại ABEK (EN 14387) để dự phòng cho các biện pháp kiểm soát kỹ thuật. Nếu mặt nạ là phương tiện bảo vệ duy nhất, hãy sử dụng mặt nạ cấp khí cả mặt. Sử dụng mặt nạ và các thành phần được thử nghiệm và phê duyệt theo tiêu chuẩn phù hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc CEN (EU).

### Kiểm soát việc phơi nhiễm môi trường

Không để sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh.

---

## Phần 9: Các tính chất vật lý và hóa học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

a) Trạng thái	Hình thể: thể lỏng
b) Mùi đặc trưng	chưa có dữ liệu
c) Ngưỡng mùi	chưa có dữ liệu
d) Độ pH	chưa có dữ liệu
e) Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	chưa có dữ liệu
f) Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	chưa có dữ liệu
g) Điểm cháy	> 110 °C
h) Tỷ lệ hóa hơi	chưa có dữ liệu
i) Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	chưa có dữ liệu
j) Giới hạn trên/dưới của tính dễ cháy hoặc dễ nổ	chưa có dữ liệu
k) Áp suất hóa hơi	chưa có dữ liệu
l) Mật độ hơi	chưa có dữ liệu
m) Tỷ trọng tương đối	chưa có dữ liệu
n) Độ hòa tan trong nước	chưa có dữ liệu
o) Hệ số phân tán: n-octanol/nước	chưa có dữ liệu



- |    |                      |  |
|----|----------------------|--|
| p) | Nhiệt độ tự bốc cháy | chưa có dữ liệu  |
| q) | Nhiệt độ phân hủy    | chưa có dữ liệu  |
| r) | Độ nhớt              | Độ nhớt, động học: chưa có dữ liệu<br>Độ nhớt, động lực: chưa có dữ liệu |
| s) | Đặc tính cháy nổ     | chưa có dữ liệu  |
| t) | Đặc tính oxy hóa     | chưa có dữ liệu  |

## 9.2 Thông tin an toàn khác

chưa có dữ liệu

---

## Phần 10: Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

chưa có dữ liệu

### 10.2 Tính ổn định

Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

### 10.3 Phản ứng nguy hiểm

chưa có dữ liệu

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

chưa có dữ liệu

### 10.5 Vật liệu không tương thích

Các chất oxy hóa mạnh

### 10.6 Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy

xem phần 5 Trong trường hợp hỏa hoạn: xem phần 5

---

## Phần 11: Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

#### Độc cấp tính

Đường miệng: chưa có dữ liệu

Hít phải: chưa có dữ liệu

Da: chưa có dữ liệu

#### Ăn mòn/kích ứng da

chưa có dữ liệu



**Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt**

chưa có dữ liệu

**Kích thích hô hấp hoặc da**

chưa có dữ liệu

**Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

chưa có dữ liệu

**Tác nhân gây ung thư**

chưa có dữ liệu

**Độc tính sinh sản**

chưa có dữ liệu

**Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn**

chưa có dữ liệu

**Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại**

chưa có dữ liệu

**Nguy hại hô hấp**

chưa có dữ liệu

## **11.2 thông tin thêm**

Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ.

---

## **Phần 12: Thông tin sinh thái học**

### **12.1 Độc tính**

chưa có dữ liệu

### **12.2 Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**

Tính phân hủy sinh học    Kết quả: > 60 % - Dễ phân huỷ sinh học.  
(Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F)

### **12.3 Khả năng tích lũy sinh học**

chưa có dữ liệu

### **12.4 Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

### **12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB**

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.





## 12.6 Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

---

## Phần 13: Các lưu ý về tiêu hủy

### 13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

#### Sản phẩm

Đưa ra các giải pháp mở rộng và không tái chế cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép. Chất thải phải được xử lý theo Chỉ thị về chất thải 2008/98/EC cũng như các quy định quốc gia và địa phương khác. Để hóa chất trong bình chứa ban đầu. Không trộn lẫn với chất thải khác. Xử lý các bình chứa không sạch như chính sản phẩm.

#### Bao bì nhiễm độc

Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.

---

## Phần 14: Thông tin vận chuyển

### 14.1 Số hiệu UN

ADR/RID: -

IMDG: -

IATA: -

### 14.2 Tên vận chuyển đường biển

ADR/RID: Hàng hóa không nguy hiểm

IMDG: Hàng hóa không nguy hiểm

IATA: Hàng hóa không nguy hiểm

### 14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: -

IMDG: -

IATA: -

### 14.4 Nhóm hàng

ADR/RID: -

IMDG: -

IATA: -

### 14.5 Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường

ADR/RID: không

IMDG Chất ô nhiễm đại dương:  
không

IATA: không

### 14.6 Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

#### Thông tin khác

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.



---

## Phần 15: Thông tin pháp luật

### 15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Phiếu dữ liệu an toàn này tuân theo yêu cầu của Châu Âu số 1907/2006 (REACH).

REACH - Danh sách các chất cần quan tâm đặc biệt :  
của nhà chức trách (Điều 59).

Sản phẩm này có chứa chất được liệt kê trong Danh mục XIV thuộc qui định REACH (EC) số 1907/2006.

Hóa chất được liệt kê / Ngày hết hạn (Sunset Date) :

Sau ngày hết hạn, việc sử dụng chất này cần phải được cấp phép hoặc chỉ được sử dụng trong một số trường hợp miễn trừ sau đây: dùng trong nghiên cứu và phát triển khoa học, bao gồm các phân tích thông thường hoặc dùng như chất trung gian.

### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, việc đánh giá an toàn hóa chất đã không được thực hiện

---

## Phần 16: Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

### Thông tin khác

Bản quyền 2020 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo đảm cho các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem [www.sigma-aldrich.com](http://www.sigma-aldrich.com) và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).

